

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;*

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số /BCTT-KTNS ngày / /2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng dân tỉnh tại kỳ họp,

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng .... năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP Tỉnh ủy, VP ĐBQH&HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỳ họp.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Quốc Dũng**

**DỰ THẢO****QUY ĐỊNH**

**nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025**

*(kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND tỉnh Bình Định, khóa XIII)*

**CHƯƠNG I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025 *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình *(sau đây gọi tắt là các sở, ban, ngành và địa phương)*.

2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

**CHƯƠNG II****NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Mục 1****NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN  
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025****Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ*) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo quyền chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

3. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã đạt dưới 15 tiêu chí (trừ 20 xã thuộc khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo các tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 90/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 - sau đây gọi tắt là các xã đặc biệt khó khăn - danh sách phụ lục kèm theo).

4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững.

5. Hỗ trợ các huyện thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao cấp huyện giai đoạn 2021-2025.

6. Địa phương chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

7. Bố trí vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành và địa phương để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện trong năm 2022)**

Nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022) được tiếp tục thực hiện theo cơ chế hỗ trợ như giai đoạn 2016-2020. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho 113 xã (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021 là 113 xã) thực hiện Chương trình, như sau:

1. Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 4,0.
2. Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3.

3. Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững): Hệ số 1,0.

**Điều 5. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025**

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho 93 xã (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021 là 113 xã trừ 20 xã đặc biệt khó khăn) thực hiện Chương trình tính đến hết năm 2021, như sau:

- a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 5,0.
- b) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0.
- c) Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.

2. Hệ số phân bổ cho 02 huyện Tây Sơn và Phù Mỹ thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cao gấp 4 lần so với các xã dưới 15 tiêu chí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

**Mục 2**

**QUY ĐỊNH TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

**Điều 6. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

Giai đoạn 2021-2025, ngân sách địa phương tập trung đầu tư, hỗ trợ cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, các huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

**Điều 7. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

1. Hàng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu gấp 1,5 lần tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh.

2. Giai đoạn 2022-2025, ngân sách địa phương đối ứng thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này, cụ thể như sau:

2.1. Đối với huyện thực hiện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

a) Huyện Tây Sơn: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa đến 70%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

b) Huyện Phù Mỹ: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa đến 50%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

c) Huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ gấp 2 lần so với mức vốn trung ương và tỉnh hỗ trợ cho huyện đạt chuẩn

nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 và tối đa đến 50%, ngân sách huyện (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

## 2.2. Đối với các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025

a) Đối với 20 xã đặc biệt khó khăn thuộc các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Tây Sơn và Hoài Ân:

- Thực hiện theo cơ chế hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn có đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 tương đương với mức hỗ trợ của các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh; hỗ trợ tối đa đến 100%, khuyến khích ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) tham gia.

b) Đối với các xã còn lại thuộc 3 huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa đến 100%, khuyến khích ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) tham gia.

c) Đối với các xã còn lại thuộc 02 huyện Tây Sơn và Hoài Ân: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa đến 70%; ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

d) Đối với các xã còn lại thuộc các huyện, thị xã: Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa đến 50%; ngân sách huyện, xã (kể cả huy động các nguồn lực khác trên địa bàn) đảm bảo phần còn lại.

e) Đối với thành phố Quy Nhơn do ngân sách thành phố đảm nhiệm, ngân sách tỉnh không hỗ trợ.

**Phụ lục:****DANH SÁCH CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH  
ĐỊNH, GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh)

<b>TT</b>	<b>TÊN XÃ</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Tổng cộng: 20 xã</b>	
<b>I</b>	<b>Hoài Ân</b>	
1	Đak Mang	
2	Bok Tới	
3	Ân Sơn	
<b>II</b>	<b>Tây Sơn</b>	
4	Vĩnh An	
<b>III</b>	<b>Vân Canh</b>	
5	Canh Thuận	
6	Canh Hiệp	
7	Canh Hòa	
8	Canh Liên	
<b>V</b>	<b>Vĩnh Thạnh</b>	
9	Vĩnh Thuận	
10	Vĩnh Hiệp	
11	Vĩnh Hòa	
12	Vĩnh Sơn	
13	Vĩnh Kim	
<b>VI</b>	<b>An Lão</b>	
14	An Quang	
15	An Hưng	
16	An Trung	
17	An Vinh	
18	An Nghĩa	
19	An Toàn	
20	An Dũng	

